

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2017.

V/v “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Đình Nhân

Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2017 về tranh chấp “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1968; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Cùng trú tại: Hẻm 52, đường L, tổ dân phố 37, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà Đ, ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đăng H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn, có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau. Trong suốt 26 năm chúng sống với nhau, bà bị bạo hành nhiều lần phải đi bệnh viện cấp cứu. Nguyên nhân là do bà và ông H bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn

đã trầm trọng và không thể chung sống với nhau được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Đăng H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng Anh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Út T, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Đăng H:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Ông, bà có thời gian tìm H nhau 03 năm và tự nguyện chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc hai vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng cũng giải quyết xong. Khi nhận được thông báo của Tòa án, ông rất bất ngờ và không H vì sao bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng, do đó ông không đồng ý với yêu cầu của bà Đ, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con và khắc phục những sai lầm trong cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng Anh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Út T, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Đ tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Đ không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – bà Đ (bản sao), 01 bản Bản tự khai của bà Đ; bị đơn ông Nguyễn Đăng H nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – ông H (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản Bản tự khai của ông H; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ với bị đơn ông Nguyễn Đăng H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đăng H chung sống với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới hỏi. Thời gian đầu bà Đ và ông H chung sống có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, theo bà Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông H tự ý quyết định tất cả các vấn đề trong gia đình, áp đặt, gia trưởng và không tôn trọng vợ, ông H nhiều lần bạo hành đánh đập bà, có lần bà phải đi bệnh viện cấp cứu. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể chung sống với ông H được nữa, bà cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Còn theo ông H thì vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, cãi vả đánh đập nhau nhưng mâu thuẫn giữa ông bà cũng giải quyết xong nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà Đ, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái và khắc phục những sai lầm trong cuộc sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, ông H có mong muốn đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông bà nhưng ông không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn gia đình, do bà Đ và ông H chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ với ông H không được pháp luật công nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đăng H là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đăng H có 02 con chung tên là Nguyễn Đăng Anh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Ut T, sinh năm 1994. Hiện nay cháu Tuấn và cháu Trâm đều đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông H tự thỏa thuận tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà Đ và ông H không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung của ông bà. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, và trình bày ông bà không có nợ chung nên yêu cầu này của ông H tại phiên tòa Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này, bà Đ và ông H không thỏa thuận được về tài sản chung, nợ chung thì bà Đ, ông H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Đăng H là vợ chồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng, bà Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006519 ngày 15/5/2017 được chuyển thu.

Bà Đ, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm

